

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/DS-ST

Ngày: 09-11-2018.

V/v “Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quý Phúc

2. Ông Đỗ Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2018/TLST- DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-DS ngày 21/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST – DS ngày 11/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp 7, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp 7, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

Bị đơn: Bà Vũ Thị Thanh T, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố H, phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hồ Thị Yến V, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 5/4, đường T, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 22/7/2011 Bà Nguyễn Thị G cho Bà Vũ Thị Thanh T vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, ngày thanh toán nợ cuối cùng là ngày 22/7/2012. Khi vay các bên có viết giấy mượn tiền viết tay đề ngày 22/7/2011 có chữ ký của bên cho mượn là Bà Nguyễn Thị G và bên mượn là Bà Vũ Thị Thanh T.

Tại giấy mượn tiền các bên không ghi nhận lãi suất vay mà chỉ tự thỏa thuận miệng là 1.4%/tháng.

Quá thời hạn thanh toán nợ bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cũng như tiền lãi cho bà G. Vào ngày 24/7/2013 Bà Hồ Thị Yến V là bạn bè làm ăn với bà G, bà T đã viết vào mặt sau của Giấy mượn tiền đề ngày 22/7/2011 với nội dung bà V sẽ trả cho bà G số tiền 100.000.000 đồng mà bà T đang nợ bà G. Tuy nhiên sau đó bà V không trả nợ thay cho bà T nên đã trả lại Giấy vay tiền bản chính cho bà G để bà G thực hiện quyền đòi nợ từ bà T.

Ông H xác định hiện nay Bà Vũ Thị Thanh T còn nợ bà G số tiền 100.000.000 đồng.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Vũ Thị Thanh T thanh toán cho Bà Nguyễn Thị G số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ thời điểm chậm thanh toán là ngày 23/7/2012 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 9%/năm tương đương với số tiền 56.675.000 đồng. Tổng cộng là 156.675.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn Bà Vũ Thị Thanh T trình bày: Bà xác nhận vào ngày 22/7/2011 bà có vay của Bà Nguyễn Thị G số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 năm. Việc vay mượn các bên có viết giấy mượn tiền viết tay do bà ký tên người mượn tiền và bà G ký tên người cho mượn. Việc vay mượn không quy định lãi suất. Sau khi vay bạn của bà là Nguyễn Thị Thu Th (tên thường gọi là Th Vỹ) đã nhận trả nợ thay cho bà số tiền trên, việc trả nợ thay các bên có viết giấy tay ghi nhận và giao cho bà G giữ.

Nay bà xác nhận bà chưa thanh toán số tiền 100.000.000 đồng cho bà G. Bà không đồng ý thanh toán số tiền nợ cho bà G vì bà cho rằng bà Nguyễn Thị Thu Th đã hứa hẹn sẽ trả nợ thay số tiền 100.000.000đ cho bà G thì bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà G.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Hồ Thị Yến V trình bày:

Bà xác nhận ngày 23/7/2013 bà có nhận nợ thay cho Bà Vũ Thị Thanh T số tiền 100.000.000 đồng mà bà T đã vay của bà G vào ngày 22/7/2011. Giữa bà và bà T và bà G có quan hệ bạn bè làm ăn với nhau, bà T có nhiều lần vay tiền bà nên là chỗ bạn bè bà đã nhận thanh toán nợ thay cho bà T, bà sẽ tự liên hệ với bà T để yêu cầu bà T thanh toán lại tiền nợ cho mình. Tuy nhiên do công việc làm ăn giữa bà và bà T không thuận lợi bà không thanh toán được nợ cho bà G. Do đó thời gian gần đây bà đã trả lại giấy mượn tiền bản chính cho bà G để bà G tiếp tục yêu cầu bà T thanh toán nợ. Như vậy bà xác định hiện bà không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa bà G và bà T.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:

Về cơ bản Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, cụ thể: Thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Bà Vũ Thị Thanh T thanh toán cho Bà Nguyễn Thị G số tiền 100.000.000 đồng.

Về lãi suất: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tính từ ngày 23/7/2012 đến ngày xét xử.

Về án phí: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu Bà Vũ Thị Thanh T thanh toán số tiền nợ đã vay. Do vậy đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn Bà Vũ Thị Thanh T có địa chỉ tại thị xã Phú Mỹ nên căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Vũ Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo quy định của pháp luật.

Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra vào ngày 22/7/2011 nên cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Ngày 22/7/2011 Bà Nguyễn Thị G có cho bà Vũ Thị Thanh Thủy vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, ngày thanh toán nợ cuối cùng là ngày 22/7/2012. Việc vay mượn được các bên lập thành văn bản theo nội dung của Giấy mượn tiền viết tay ngày 22/7/2011. Các bên không thực hiện việc ký kết hợp đồng vay tiền tại cơ quan có thẩm quyền.

Tại phiên tòa Bà Vũ Thị Thanh T xác nhận ngày 22/7/2011 có vay bà G số tiền 100.000.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Tại phiên tòa bà T nại rằng bà Nguyễn Thị Thu Th (tên thường gọi là Th Vy) là bạn của bà và bà G đã nhận trả nợ thay cho bà số tiền 100.000.000 đồng cho bà G khi đến hạn thanh toán nên yêu cầu Tòa án mời bà Nguyễn Thị Thu Th đến Tòa án làm việc. Để bảo đảm quyền lợi của bị đơn ngày 25/10/2018 Tòa án đã tạm ngưng phiên tòa yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ của bà Nguyễn Thị Thu Th, yêu cầu cung cấp các giấy tờ, tài liệu xác định bà Nguyễn Thị Thu Th đã nhận trả nợ thay cho bị đơn số tiền 100.000.000đ. Tuy nhiên đến nay bà T vẫn không cung cấp được địa chỉ của bà Nguyễn Thị Thanh Th và chứng cứ chứng minh bà Th có nhận trả nợ thay cho bà nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Tại phiên tòa ông H xác định chỉ có bà Hồ Thị Yến V nhận trả nợ thay nhưng sau đó bà V không tiếp tục trả nợ cho bà T chứ không có ai tên Nguyễn Thị Thu Th, ông không biết bà Nguyễn Thị Thu Th là ai.

Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà T thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Bà T cũng xác định chưa thanh toán số tiền trên cho bà G. Do đó buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà G số tiền 100.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện Bà G cho rằng việc bà cho bà T vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 1,4%/tháng, nên yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận giữa 2 bên là 1,4%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử, cụ thể số tiền bà G yêu cầu là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình tố tụng bà G không tiếp tục yêu cầu bà T thanh toán tiền lãi là 100.000.000 đồng. Bà chỉ yêu cầu bà T thanh toán lãi suất từ thời điểm chậm nghĩa vụ thanh toán nợ là ngày 23/7/2012 đến ngày xét xử theo mức lãi suất là 9%/năm. Cụ thể là $100.000.000đ \times 9\%/năm \times 06 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 56.675.000 \text{ đồng}$.

Xét thấy yêu cầu trên của bà G là có căn cứ theo đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận. Buộc bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà G số tiền lãi phát sinh là 56.675.000 đồng.

[4] Về Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị G được Tòa án chấp nhận nên bà T phải nộp 7.834.000đ (Bảy triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị G số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 192, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị G về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với Bà Vũ Thị Thanh T.

Về nợ gốc: Buộc Bà Vũ Thị Thanh T thanh toán cho Bà Nguyễn Thị G số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Về tiền lãi: Buộc Bà Vũ Thị Thanh T phải thanh toán cho Bà Nguyễn Thị G số tiền lãi phát sinh do chậm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 23/7/2012 đến ngày xét xử 09/11/2018 là 56.675.000đ (năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tổng công cả gốc và lãi là 156.675.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vũ Thị Thanh T phải nộp 7.834.000đ (Bảy triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị G số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003189 ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKS ND Tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX. Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu .

Nguyễn Hồng Thái